

HƯƠNG DANH HẦU NGUYỄN ĐĂNG THỊNH – VỊ CÔNG THẦN TRỨ DANH THỜI CHÚA NGUYỄN VÀ HAI VĂN BIA TRÊN MỘ ÔNG

Võ Vinh Quang*

1. Dẫn đề

Trong tiến trình lịch sử xứ Đàng Trong, thế kỷ XVII-XVIII là thời kỳ có nhiều dấu ấn khá đặc biệt đối với lịch sử dân tộc. Đây được xem là thời kỳ cội Nam Hà phát triển vượt bậc trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... cũng là giai đoạn sản sinh nhiều danh hiền xuất chúng, đóng góp công sức và trí tuệ, tài năng và tâm huyết nhằm hoàn thiện mọi mặt ở xứ Đàng Trong. Có thể kể đến những danh nhân nổi bật như Nguyễn Cửu Kiều, Hồ Quang Đại, Trần Đình Ân, Nguyễn Cửu Vân, Nguyễn Khoa Chiêm, Lê Quang Đại, Nguyễn Cư Trinh, Nguyễn Quang Tuyền... và một người khá nổi bật là Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh (1694-1755).

Có thể nói Nguyễn Đăng Thịnh là bậc hiền tài, là vị văn thần trứ danh, có nhiều đóng góp cho những thay đổi có tính lịch sử ở Đàng Trong. Không hề ngẫu nhiên khi tên tuổi, tài đức của ông vang danh trong sử sách. Ông vừa là thầy dạy học của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát khi chúa đương là Thế tử (Thị giảng cho Đông cung Nguyễn Phúc Khoát từ năm Ất Tỵ 1725) và chính là người giữ vai trò chủ xướng suy tôn Chúa Võ lên ngôi Quốc vương vào năm 1744: “*Giáp Tý, năm thứ 6 [1744], mùa hạ, tháng 4. Bấy giờ có điềm tốt cây sung nở hoa, bầy tôi là bọn Nguyễn Đăng Thịnh dâng biểu xin chúa lên ngôi vương... Chúa nhún nhường không chịu nhận. Bầy tôi hai ba lần nài xin, chúa mới theo. Ngày Canh Tuất, đức ấn quốc vương (Trước thì khi bỏ dùng quan lại chỉ dùng chữ “thị phó”, dưới kiềng dấu “Thái phó quốc công”, và dùng ấn “Tổng trấn tướng quân”). Ngày Kỷ Mùi, chúa lên ngôi vua ở phủ chính Phú Xuân. Xuống chiếu đại xá trong nước... ”*”⁽¹⁾ Từ đây, chính quyền Đàng Trong một phen đổi mới, thay đổi khá toàn diện về mọi mặt xã hội, chính thức trở thành một thể chế chính trị độc lập, tách rời so với Đàng Ngoài (triều Lê Trịnh): “... Đến bấy giờ Phúc Khoát tiến xưng vương, bèn đúc ấn “quốc vương”, gọi phủ ở là điện, đổi chữ “thân” làm chữ “tấu”; có văn thư đưa xuống thuộc quốc thì xưng là “thiên vương”; Đặt Tả nội, Tả ngoại, Hữu nội, Hữu ngoại làm Tứ trụ đại thần. Thân quân gọi là Ngự lâm, đổi Ký lục làm Lại

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế.

Bộ, Vệ úy làm Lễ Bộ, Đô tri làm Hình Bộ, Cai bạ Phó Đoán sự làm Hộ Bộ, lại đặt thêm Binh Bộ, Công Bộ. Đãi Văn Chức làm Hàn Lâm Viện. Nhưng vẫn còn dùng chữ “Thị phó” hoặc chữ “Lệnh truyền”. Cũng không lập phi cùng thế tử. Vợ cả thì gọi là Tả Hành lang, các vợ lẽ thì gọi là Hữu Hành lang. Con trưởng vẫn gọi là Đại công tử, còn thì theo thứ tự gọi là đệ nhị, đệ tam, đệ tứ, nhưng sau khi chết chỉ tặng Thiêm sự và Tham chính, cũng theo lệ cũ”⁽²⁾

Không chỉ chính sử triều Nguyễn (*Đại Nam thực lục tiền biên, Đại Nam liệt truyện tiền biên, Đại Nam nhất thống chí...*) mà chính các công trình sử - chí của các văn thân triều Lê Trịnh như Lê Quý Đôn, Lê Đản, Phạm Nguyễn Du (tiêu biểu như *Phủ biên tạp lục, Nam Hà tiếp lục, Nam hành ký đắc tập*) cũng dành một phần trang trọng để ghi chép về cuộc đời, sự nghiệp và trước thuật của ông.

Thời gian qua, chúng tôi đã tiếp cận nhiều di sản, di vật liên quan đến hai danh nhân Nguyễn Đăng Thịnh và Nguyễn Cư Trinh, người tộc Nguyễn Đăng - An Hòa. Từ đó, đã công bố một số bài nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của họ. Với danh hiền Nguyễn Đăng Thịnh, sau 5 năm, từ ngày khảo sát hai văn bia chữ Hán trên mộ ông (2014-2019), đến nay chúng tôi mới tạm xử lý xong và tương đối hoàn thiện văn bản cùng bản dịch. Sở dĩ quá trình khảo biện và dịch thuật kéo dài như thế là do tình trạng hư hỏng mất chữ hàng loạt của hai văn bia này. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu và cung cấp toàn văn bản, thông qua đó có một số nhận định và đề xuất.

2. Giới thiệu, phiên dịch hai văn bia trên mộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh

Các văn bia trên mộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh có “số phận” khá biến động như chính ngôi mộ của ông. Theo tộc trưởng Nguyễn Đăng Anh (tộc Nguyễn Đăng làng An Hòa), ngôi mộ vị tổ đời thứ 8 là Nguyễn Đăng Thịnh nguyên táng ở xứ Mao Đồi, núi Hương Trầm. Khoảng thập niên 90 của thế kỷ XX, khu mộ này bị kẻ gian đào xới, phá hỏng để tìm vàng bạc châu báu, và hai văn bia cũng chịu chung số phận, bị hư hỏng bể nát nhiều phần (nhất là bia đá năm 1755). Sau đó, con cháu tộc Nguyễn Đăng đã di dời mộ ông về chôn tại xứ Cồn Tranh núi Hương Trầm (nay là phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế) cùng cụm 35 ngôi mộ của dòng họ. Bấy giờ, vì sợ bị hủy hoại nên con cháu đã chôn hai bia đá này xuống đất, lấy ciment đắp lên khoảng 1/3 bia để cố định. Đến năm 2015-2016, theo đề xuất của chúng tôi, hậu duệ họ Nguyễn Đăng trong quá trình tu sửa lại toàn bộ lăng mộ của họ tộc ở xứ Cồn Tranh, đã bóc hết phần ciment trên hai tấm bia và đưa chúng lên khỏi mặt đất để giữ nguyên trạng nội dung văn bia còn sót lại.

Hiện nay, hai tấm bia được đặt phía sau mộ phần Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh (tấm bia nhỏ có nhà bia, còn bia đá Thanh lớn soạn năm 1755 thì không

có nhà bia). Các tấm bia đá này vốn dĩ đã bị hư hỏng nhiều phần, nhất là văn bia do Túy Đức hầu giữ chức Ký lục dinh Quảng Bình biên soạn (hỏng khoảng 2/5 bia).

Dưới đây, chúng tôi giới thiệu bản phiên dịch hai văn bia mộ Nguyễn Đăng Thịnh, theo trình tự: 2.1. *Văn bia niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755)* và 2.2. [*Văn bia Tán Trị công thần, Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh*]. Trong văn bia, đối với các đoạn bị mất chữ, chúng tôi đặt trong ngoặc vuông có dấu ba chấm [... ...] để đánh dấu.

2.1. Văn bia niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755)

Hán văn:

故禮部兼吏部贈僉議阮慎勤公墓誌銘

公諱香字登盛號拙齋，香茶安和人。前貢士朝議大夫文院兼監狀阮忠勤公之第二子。母阮氏，最有婦德。公為人聰敏，勤於為學，日誦千[章... ...]補禮生，不受。辛丑試中貢士，補香茶縣知縣。從政五年，彈單父之琴而民自治，吟孟郊之詩而俗自化。保泰乙巳，召入翰林院，尋以本官兼侍講，寓規諷於章 [... ...戊]申該徵明靈縣。纔三年，庚戌冬，超陞都知。服政之日，槐列風骨棘曹霜菊，亦無愧憲臺之任矣。永慶辛亥冬，遷廣南營該簿。雖以敲朴誼囂摟其慮踐[... ...]蕭何給飾關中，寇恂牧民河內，固不多讓。癸丑，欽差閱選升華府。龍德乙卯冬，召入衙尉，年四十有二。景興癸亥，又欽差閱選兜涇。甲子，新拜禮部 [兼吏部。公自以為不替遇，乃展盡]名於百年之後，易服色於八葉之間，制度一新，駭人耳目，其輔弼之功不少。至於收拾人才，搜冊子於呂公之袋，備藥[柯]於唐相之籠，朝廷取人隨取隨[止 ... 公於甲戌]四月二十四日丑時生，以景興乙亥六月初五日辰時卒，春秋纔六十有二。嗚呼，抑不知卜子夏翻然，修文於地下。李長吉惠然，摘詞於天上耶。將猿鶴削[... ...]非耶。吾安得而知耶。訃聞之日宸衷有惻，敕贈贊治功臣特進金紫榮祿大夫正治上卿，僉議，謚慎勤。欽賜錢幣出例彰天寵也。



Hình 1: Văn bia mộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 - 1755). Ảnh: Võ Vinh Quang chụp 2014.

嗟哉!以 [… …]婆以公之禮闈瑞鵠[朝]列牂翔鸞[… …]紀不登山，大耄天耶人耶孰使然耶。意梁木其摧哲人其萎天之壽公之壽所以奪公之才。

當時[… …]

卓矣猗公兮一代宗師。

[… …]。

巧布妙籌兮蕭曹頡頏。

高搜奇思兮[… …]。

鈞天無人兮帝咨有命。

巫陽下招兮天不慙遺。

所返厥真兮所歸厥本。

有封者堂兮有崇者碑。

景興十六年歲在乙亥十月二十三日。廣平記錄粹德侯撰

Phiên âm:

Cố Lễ Bộ kiêm Lại Bộ tặg Thiêm nghị Nguyễn Thận Cần công mộ chí minh

Công hủ Hương, tự Đăng Thịnh, hiệu Chuyết Trai, Hương Trà An Hòa nhân. Tiền Cống sĩ Triều nghị Đại phu Văn Viện kiêm Giám trạng Nguyễn Trung Cần công chi đệ nhị tử. Mẫu Nguyễn thị, tảo hữu phụ đức. Công vị nhân thông minh, cần ư vi học, nhật tụng thiên [chương...], bố Lễ sinh, bất thụ. Tân Sửu, thí trúng Cống sĩ, bổ Hương Trà huyện Tri huyện. Tông chính ngũ niên, đàn Đàn Phụ chi cầm⁽³⁾ nhi dân tự trị, ngâm Mạnh Giao chi thi⁽⁴⁾ nhi tục tự hóa.

Bảo Thái Ất Tỵ, triệu nhập Hàn Lâm Viện, tâm dĩ bốn quan kiêm Thị giảng, ngụ quy phúng ư chương [... .. Mậu] Thân, Cai trung Minh Linh huyện. Tài tam niên, Canh Tuất đông, siêu thăng Đô tri. Phục chánh chi nhật, hòe liệt phong cốt⁽⁵⁾ cức tào sương cục,⁽⁶⁾ diệp vô quý hiến đài⁽⁷⁾ chi nhậm hĩ. Vĩnh Khánh Tân Hợi đông, thiên Quảng Nam doanh Cai bạ. Tuy dĩ xao phác⁽⁸⁾ huyền hiêu,⁽⁹⁾ lâu kỳ lự tiến [... ..] Tiêu Hà cấp sức Quan Trung,⁽¹⁰⁾ Khẩu Tuân mục dân Hà Nội,⁽¹¹⁾ cố bất đa nhượng. Quý Sửu, khâm sai duyệt tuyển Thăng Hoa phủ. Long Đức Ất Mão đông, triệu nhập Nha úy, niên tứ thập hữu nhị, Cảnh Hưng Quý Hợi, hựu Khâm sai duyệt tuyển Đâu Kinh.⁽¹²⁾ Giáp Tý, tân bài Lễ Bộ [kiêm Lại Bộ, công tự dĩ vi bất thể ngộ, nãi triển tận...]⁽¹³⁾ danh ư bách niên chi hậu, dịch phục sắc ư bát diệp⁽¹⁴⁾ chi gian, chế độ nhất tân, hải nhân nhĩ mục,⁽¹⁵⁾ kỳ phụ bất chi công bất thiếu. Chí ư thâm nhập nhân tài, sưu sách tử ư Lễ Công⁽¹⁶⁾ chi đại, bị dục [kha] ư Đường Tướng chi lung. Triều đình thủ nhân tùy thủ tùy [chỉ Công ư Giáp Tuất]⁽¹⁷⁾ tứ nguyệt nhị thập tứ nhật, Sửu thời sinh; dĩ Cảnh Hưng Ất Hợi lục nguyệt sơ ngũ nhật, Thìn thời, tốt. Xuân thu tài lục thập hữu nhị. Ô hô! ức bất tri: Bốc Tử Hạ⁽¹⁸⁾

phiên nhiên,⁽¹⁹⁾ tu văn ư địa hạ; Lý Trường Cát⁽²⁰⁾ huệ nhiên,⁽²¹⁾ si từ ư thiên thượng da. Tương viên hạc tước [... ..] phi da! Ngô an đắc nhi tri da! Phò văn chi nhật, thần trung⁽²²⁾ hữu trắc, sắc tằng Tán Trị công thần Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu Chánh Trị Thượng Khanh, Thiêm nghị, thụy Thận Cần. Khâm tứ tiền tộ, xuất lệ chương thiên, sủng dã. Ta tai! dĩ [... ..] bà dĩ công chi lễ vi thụy cô, triêu liệt tường loan⁽²³⁾ [... ..] kỷ bất đẳng sơn, đại liệt thiên da, nhân da! Thực sử nhiên da! Ý lương mộc kỳ tòi, triết nhân kỳ nuy,⁽²⁴⁾ thiên chi sắc công chi thọ, sở dĩ đoạt công chi tài. Đương thời [... ..]

Trác hĩ y công hệ nhất đại tông sư [... ..]

Xảo bố diệu trừ hệ Tiêu Tào⁽²⁵⁾ hàng hiệt.⁽²⁶⁾

Cao sưu kỳ tư hệ [... ..]

Quân thiên vô nhân⁽²⁷⁾ hệ đế tư hữu mệnh.

Vu Dương hạ chiêu⁽²⁸⁾ hệ thiên bất cứu di.

Sở phản quyết chân hệ sở quy quyết bốn.

Hữu phong giả đường hệ hữu sùng giả bi.

Cảnh Hưng thập lục niên tuế tại Ất Hợi thập nguyệt nhị thập tam nhật.

Quảng Bình Ký lục Túy Đức hầu soạn

Dịch nghĩa:

Bài chí minh trên mộ ông Lễ Bộ kiêm Lại Bộ tằng Thiêm Nghị, [họ] Nguyễn [thụy] Thận Cần đã khuất

Ông húy Hương, tự Đăng Thịnh, hiệu Chuyết Trai, người làng An Hòa, huyện Hương Trà, là con trai thứ hai của vị Cống sĩ Triều Nghi đại phu Văn [Chức] Viện kiêm Giám họ Nguyễn (Nguyễn Đăng Trị) [thụy] Trung Cần.⁽²⁹⁾ Mẹ ông là Nguyễn thị, là người vợ rất hiền thực đức hạnh. Ông (Đăng Thịnh) sống vì người, thông minh mẫn cán, học hành siêng năng, mỗi ngày học thuộc ngàn chương sách [... ..]. [Năm Quý Tỵ (1713), ông thi trúng Nhiều học] được bổ chức Lễ sinh, nhưng không nhận. Năm Tân Sửu (1721), thi đỗ Cống sĩ, được bổ chức Tri huyện Hương Trà. Trong 5 năm (1721-1725) làm Chính sự [Tri huyện], ông gây đàn cầm mà dân được trị, ngâm thơ Mạnh Giao mà phong tục tự giáo hóa.⁽³⁰⁾ Năm Ất Tỵ, niên hiệu Bảo Thái (1725) ông được triệu về [Chính dinh] làm quan ở Hàn Lâm Viện kiêm chức Thị giảng [thầy dạy Thế tử Nguyễn Phúc Khoát], nhờ giảng giải các đạo lý, khuôn phép ở nơi sách vở từ chương [... ..]. Năm Mậu Thân (1728), ông giữ chức Cai trung ở huyện Minh Linh. Chỉ được ba năm, vào mùa đông năm Canh Tuất (1730), ông nhanh chóng được thăng chức Đô tri.⁽³¹⁾ Ngày ngày lo chánh sự như “cây hòe tỏ bày phong thái cốt cách, cây cúc [gai] như thu cúc ngạo nghễ giữa tuyết sương”, cũng không thẹn khi nhậm chức Hiến đài (cao quý) vậy. Mùa đông,

năm Tân Hợi niên hiệu Vĩnh Khánh (1731), chuyển vào giữ chức Cai bạ dinh Quảng Nam. Tuy cầm roi trị nhậm nơi nào nhiệt ồ ào, song vẫn ôm ấp nỗi lo [...] như Tiêu Hà sửa sang chính bị ở đất Quan Trung, Khấu Tuân chặn dất nhân dân ở đất Hà Nội (Hà Nam, Trung Quốc), chắc chắn chẳng thể nhường nhịn nhiều. Năm Quý Sửu (1733), ông làm Khâm sai Duyệt tuyển phủ Thăng Hoa. Mùa đông năm Ất Mão niên hiệu Long Đức (1735), được triệu về giữ chức Nha úy, lúc đó ông 42 tuổi. Năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng (1743), lại làm Khâm sai Duyệt tuyển ở xã Đâu Kinh (Triệu Phong). Năm Giáp Tý (1744), bắt đầu được trao chức Lễ Bộ [kiêm Lại Bộ]. Ông tự cho rằng: gặp thời sao không thay đổi! bèn giải bày hết... danh tiếng của trăm năm về sau, thay đổi áo quần, màu sắc [đã có] trong khoảng 8 đời [chúa Nguyễn], chế độ một phen đổi mới, khiến mọi người kính nể, ấy là công tôn phò giúp rập của ông không ít. Đến như việc thu nhận nhân tài, tìm tòi sách vở biểu lộ cái đầy của Lã Công, lo đầy đủ cây thuốc [...] nơi lòng tre của Đường Tương.⁽³²⁾ Triều đình chọn người, tùy theo đó mà chọn mà bỏ [... ...].

Ông sinh giờ Sửu ngày 24 tháng 4 [năm Giáp Tuất, 1694] đến giờ Thìn ngày 05 tháng 6 năm Ất Hợi niên hiệu Cảnh Hưng (1755) thì qua đời, thọ 62 tuổi.

Than ôi! Há chẳng hiểu rằng: Bốc Tử Hạ (Bốc Thương) phóng túng tung hoành, nên sửa văn ở dưới đất; Lý Trường Cát vui thuận theo tâm, mà khai mở ở trên trời thay. Theo cùng vườn hạc [đi mất] chẳng phải sao! Ta sao mà biết được thay!

Ngày cáo phó đến nơi, Quốc vương [Nguyễn Phúc Khoát] bùi ngùi xa xót, sắc tặng Tán trị công thần, Đặc tiên Kim Tử Vinh Lộc đại phu Chính Trị Thượng Khanh, Thiêm nghị, thụ là Thận Cần. Khâm ban tiền bạc, mở ra điều lệ sung ái rục rờ như trời cao.

Ôi thôi! lấy [...] bà, lấy lễ của ông cho cửa nhà tốt đẹp, như chim Cô... sớm như chim loan bay liệng [...] chẳng lên non, tuổi diệt lớn (hơn 80 tuổi), trời thay! Người thay! Ai khiến như vậy thay! Ý rằng: rường cột bị hư hại, bậc hiền triết đã mất đi. Trời dè sên tuổi thọ của ông, sở dĩ đoạt mất tài năng của ông. Dương thời [... ...]

Cao ngất thay ông chừ bậc thầy nhất đời [... ...]

Khéo bày kế sách chừ Tiêu [Hà] Tào [Tham] bay lượn. Tìm tòi tứ lạ chừ [... ...]

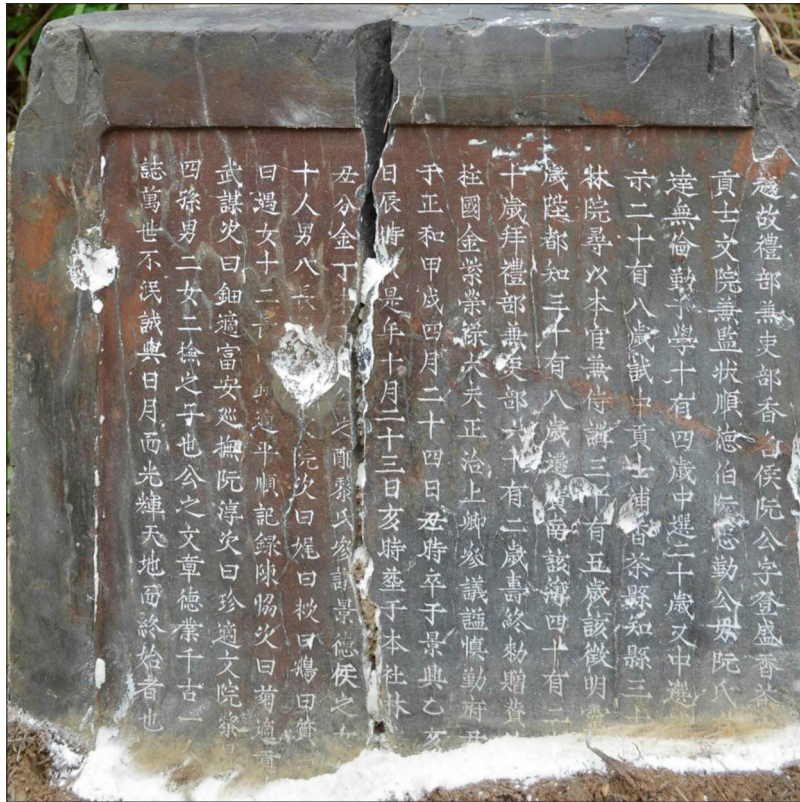
Mất người cao quý chừ vua thở than, truyền lệnh; Vu Dương chiêu hồn chừ trời chẳng để lại gì.

Trở lại chân tâm hề quay về gốc rễ; Tặng phong gia tộc chừ yêu quý khắc bia.

Ngày 23 tháng 10 năm Ất Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 16 (1755)

Ký lục dinh Quảng Bình là Túy Đức hầu [Lê Xuân Thăng] soạn.

2.2. [Văn bia Tán Trị công thần, Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh]⁽³³⁾



Hình 2: Văn bia [Tán Trị công thần, Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh].
Ảnh: Võ Vinh Quang chụp 2014.

Hán văn:

越故禮部兼吏部香名侯阮公字登盛，香茶安和人也。父前貢士文院兼監狀順德伯阮忠勤公，母阮氏有婦德。公幼聰達無倫勤于學，十有四歲中選，二十歲又中選，補禮生而不受。示二十有八歲試中貢士，補香茶縣知縣。三十有二歲拜翰林院尋以本官兼侍講。三十有五歲該徵明靈縣，三十有七歲陞都知，三十有八歲遷廣南該簿。四十有二歲遷衙尉。五十歲拜禮部兼吏部。六十有二歲壽終。敕贈贊治功臣特進柱國金紫榮祿大夫正治上卿參議，謚慎勤府君。公之誕生于正和甲戌四月二十四日丑時，卒于景興乙亥六月初五日辰時。[於]是年十月二十三日亥時塋于本社林[麓，香沉茅堆]處[坐乾向巽....]丑分金丁未丁[亥...公]之配黎氏，參議景德侯之女，先卒，子二十人，男八，長[曰監，歷官鎮邊營該簿，次曰榮，官至]文院，次曰媿，曰，曰，曰質，曰龜，曰鶴，曰遇。女十二，長氏鉤適平順記錄陳協，次曰菊適貢士文院武謀，次曰鉤適富安巡撫阮淳，次曰珍適文院黎昇，餘皆幼。四孫，男二女二，檢之子也。公之文章德業千古一人，贈謚銘誌萬世不泯，誠與日月而光輝天地而終始者也。

Phiên âm:

Việt cổ Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu Nguyễn công, tự Đăng Thịnh, Hương Trà An Hòa nhân dã. Phụ tiền Cống sĩ Văn Chức kiêm Giám Trạng Thuận Đức bá Nguyễn Trung Càn công, mẫu Nguyễn thị, hữu phụ đức. Công ấu thông đạt vô luân, cần vụ học. Thập hữu tứ tuế trúng tuyển, nhị thập tuế hựu trúng tuyển, bổ Lễ sinh nhị bát thụ. Thị nhị nhập hữu bát tuế, thí trúng Cống sĩ, bổ Hương Trà huyện Tri huyện. Tam thập hữu nhị tuế, bài Hàn Lâm Viện, tằm dĩ bốn quan kiêm Thị giảng. Tam thập hữu ngũ tuế, Cai trung Minh Linh huyện. Tam thập hữu thất tuế, thăng Đô tri. Tam thập hữu bát tuế, thiên Quảng Nam Cai bạ. Tứ thập hữu nhị tuế, thiên Nha úy. Ngũ thập tuế bài Lễ Bộ kiêm Lại Bộ. Lục thập hữu nhị tuế thọ chung, sắc tặng Tán Trị công thần Đặc tiến Trụ quốc Kim Tử Vinh Lộc đại phu Chính Trị Thượng khanh, Tham nghị, thụy Thận Càn phủ quân. Công chi dân sinh vu Chính Hòa Giáp Tuất tứ nguyệt nhị thập tứ nhật, Sửu thời. Tốt vu Cảnh Hưng Ất Hợi lục nguyệt sơ ngũ nhật, Thìn thời. Ư thị niên thập nguyệt nhị thập tam nhật, Hợi thời táng vu bốn xã lâm [lộc, Hương Trầm Mao Đồi] xứ [Tọa Càn hướng Tồn] Sửu, phân kim Đinh Mùi Đinh Hợi. Công chi phối Lê thị, Tham nghị Cảnh Đức hầu chi nữ, tiên tốt, tử nhị thập nhân, nam bát, trưởng [viết: Giám, lịch quan Trần Biên doanh Cai bạ, thứ viết: Vinh, quan chí] Văn Viện, thứ viết Vẽ, viết Xôi, viết Cò, viết Chát, viết Quy, viết Hạc, viết Ngộ. Nữ thập nhị: trưởng Thị Xuyên – thích Bình Thuận Ký lục Trần Hiệp; thứ viết Cúc – thích Cống sĩ Văn Viện Võ Mưu; thứ viết Điền, thích Phú Yên Tuần phủ Nguyễn Thuận; thứ viết Trân, thích Văn Viện Lê Thăng, dư giai ấu. Tử tôn, nam nhị nữ nhị, Kiểm chi tử dã. Công chi văn chương đức nghiệp, thiên cổ nhất nhân, tặng thụy, minh chí, vạn thế bất dân. Thành dữ nhật nguyệt, nhị quang huy thiên địa, nhị chung thủy giả dã.

Dịch nghĩa:

Ông Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Hương Danh hầu họ Nguyễn của nước Việt đã khuất, tên tự Đăng Thịnh, là người An Hòa, Hương Trà vậy. Thân phụ ông là ngài Cống sĩ Văn Chức Viện kiêm Giám Trạng [tước] Thuận Đức bá Nguyễn [Đăng Trị] thụy là Trung Càn. Mẹ ông là bà họ Nguyễn, một người phụ nữ đức hạnh. Ông thuở nhỏ thông minh sáng suốt vượt bậc, học hành chuyên cần; năm 14 tuổi trúng tuyển, 20 tuổi lại trúng tuyển và được bổ nhiệm chức Lễ sinh nhưng không nhận. Đến năm 28 tuổi, ông thi trúng Cống sĩ, được bổ chức Tri huyện ở huyện Hương Trà. Năm 30 tuổi được trao chức quan ở Hàn Lâm Viện kiêm Thị giảng; 35 tuổi giữ chức Cai trung huyện Minh Linh. Năm 37 tuổi thì thăng chức Đô tri; 38 tuổi đổi làm Cai bạ Quảng Nam. Năm 42 tuổi đổi sang chức Nha úy; 50 tuổi, được phong chức Lễ Bộ kiêm Lại Bộ. Năm 62 tuổi thì ông qua đời, được [Quốc chúa] sắc tặng Tán Trị Công thần Đặc tiến Trụ quốc Kim Tử Vinh Lộc đại phu Chính trị Thượng khanh, Tham nghị, tên thụy là Thận Càn phủ quân. Ông sinh vào giờ Sửu ngày 24 tháng

4 năm Giáp Tuất niên hiệu Chính Hòa (1694), mất vào giờ Thìn ngày 05 tháng 6 năm Ất Hợi niên hiệu Cảnh Hưng (1755). Vào giờ Hợi ngày 23 tháng 10 cùng năm (1755), được an táng ở vùng núi thuộc xứ Mao Đồi, Hương Trầm của bốn xã, tòa càn hướng tốn [... ..] Sửu, phân kim Đinh Mùi Đinh Hợi. Vợ của ông là bà Lê thị, con gái của Tham nghị Cảnh Đức hầu [Lê Cảnh], bà mất trước ông. Ông có 20 người con gồm 8 trai, trai trưởng [là Đăng Giám, làm quan trải đến chức Cai bạ dinh Trấn Biên, con thứ là Đăng Vinh, làm quan đến] Văn Chức viện, con thứ tên là Vĩ/Vễ, tên là Xôi, tên là Cò, tên là Chắt, tên là Quy, tên là Hạc, tên là Ngộ; và 12 con gái, con gái trưởng Thị Xuyên, được gả cho Ký lục Bình Thuận là Trần Hiệp; con gái thứ là Cúc, được gả cho Cống sĩ Văn Chức Viện là Võ Mưu; con thứ là Điền, được gả cho Tuần phủ Phú Yên là Nguyễn Thuần; con thứ là Trân, được gả cho Văn Chức Viện Lê [Xuân] Thăng; còn lại [các con sau] đều còn bé. Ông có 4 người cháu, gồm 2 trai 2 gái đều là con của Kiềm (?) vậy.

Văn chương và đức hạnh của ông [được xem] là người ngàn năm có một, được tặng thụy, viết minh văn, để vạn đời sau [tiếng thơm] không dứt, tin thực sánh cùng nhật nguyệt (vũ trụ) mà sáng tỏ rõ ràng, với trời đất mà vẹn tròn sau trước vậy.

3. Lược khảo một số giá trị tư liệu của hai văn bia trên mộ của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh (thay lời kết luận)

Hai tấm văn bia lược thuật về gia thế, tiểu sử và hành trạng của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh đem lại một số giá trị tư liệu quan trọng như sau:

- Đây là hai văn bia gốc, rất quý do chính người đương thời biên soạn, kể về cuộc đời và sự nghiệp cũng như tán tụng công đức của vị Tán Trị công thần – Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh. Mặc dù tình trạng văn bia đã dần bị hư hỏng, hủy hoại, song với nỗ lực không ngừng của con cháu họ Nguyễn Đăng, cho đến nay, văn bia vẫn tiếp tục được bảo vệ, và hiện diện trên ngôi mộ cải táng của danh nhân Nguyễn Đăng Thịnh ở xứ Cồn Tranh.

- Nguyễn Đăng Thịnh với tài năng và đức hạnh xuất chúng “*thiên cổ nhất nhân*” (chữ dùng trong văn bia) cũng như dấu ấn đặc biệt của mình cho triều đại Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (được xem là vị quân sư trọng yếu cho quá trình xưng Quốc vương của chúa Nguyễn Phúc Khoát, thay đổi thể chế Đàng Trong vào năm 1744), xứng đáng được quan tâm tìm hiểu kỹ càng và ghi nhận, nêu gương, xiển dương đức nghiệp. Trước nay, Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh vốn chỉ được nhắc đến trong một số bài viết, công trình nghiên cứu nhỏ lẻ, chưa xứng tầm với công trạng và tài đức của ông. Điều này do nhiều nguyên nhân, song một nguyên nhân chính yếu chính bởi hệ thống tư liệu liên quan đến Nguyễn Đăng Thịnh vẫn nằm tản mác, chưa được thu thập đầy đủ và xâu chuỗi nhằm nghiên cứu cụ thể, nêu bật được hành trạng và công lao đóng góp của Nguyễn Đăng Thịnh đối với lịch sử xã hội Đàng Trong.

- Nguyễn Đăng Thịnh là vị tổ đời thứ 8 của tộc Nguyễn Đăng gốc Trinh làng An Hòa. Ông cùng người em chú bác là Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh (húy Đăng Nghi, con trai của Nguyễn Đăng Đệ) đã phát dương rực rỡ đức nghiệp tổ tiên, góp phần tạo nên một “cột mốc” hiếm có trong lịch sử tồn tại và phát triển của gia tộc: một là *Tán Trị công thần* (Nguyễn Đăng Thịnh) phò tá giúp rập vương triều chúa Nguyễn, một là *Khai quốc công thần* (Nguyễn Cư Trinh) kinh bang tế thế, được trong ngoài kính nể. Thế nhưng, cho đến nay, Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh được hầu hết mọi người biết đến, còn Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh thì danh tiếng ít được tỏa lan.

- Căn cứ vào hai văn bia trên mộ Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Nguyễn Đăng Thịnh cùng các tư liệu liên quan đến tiểu sử và hành trạng của ông, chúng tôi thấy văn bia năm Ất Hợi (1755) do Túy Đức hầu, người giữ chức Ký lục dinh Quảng Bình soạn và cho dựng lập vào những ngày an táng (tháng 10 năm Ất Hợi). Người có tước vị Túy Đức hầu, theo chúng tôi, là con rể ông, tên Lê Xuân Thăng. Bởi theo gia phả họ Nguyễn Đăng làng An Hòa, Nguyễn Đăng Thịnh có người cháu ngoại gái họ Lê黎, tên húy Kính敬, là con gái của Ký lục Lê Xuân Thăng và bà Nguyễn Thị Trân阮氏珍 (bà Trân là con gái của ông Nguyễn Đăng Thịnh). Cụ thể: gia phả (tờ 18), phần ghi chép về Nguyễn Đăng Thịnh viết: “明命庚辰，清嘉慶，欽奉宣仁慈愛太皇太后慈旨建祠于其鄉祀之。以府君少傅壽國公夫人之外祖也。府君女諱珍，嫁麗水巴月人記錄黎春昇生黎夫人諱鏡，嫁香茶文舍人兵部尚書少傅壽國公陳興諱仲” (Năm Canh Thìn niên hiệu Minh Mạng, tức năm Gia Khánh triều Thanh, kính vâng từ chỉ của Nhân Tuyên Thái Hoàng Thái hậu dựng lập nhà thờ ở quê nhà [An Hòa] để thờ phụng ông [Nguyễn Đăng Thịnh]. Ấy bởi ông [Nguyễn Đăng Thịnh] là ngoại tổ (ông ngoại) của phu nhân ngài Thọ Quốc công vậy. Con gái ông [Đăng Thịnh] tên húy Trân, được gả cho người đất Ba Ngọt, huyện Lê Thủy là **Ký lục** Lê Xuân Thăng, sinh ra Lê phu nhân, tên húy Kính. Bà Kính được gả cho Binh Bộ Thượng thư Thiếu phó Thọ Quốc công Trần Hưng, húy Trọng (?) [Đạt].

- Theo căn cứ trên, cùng thông tin ở văn bia thứ hai: *thứ viết Trân, thích Văn Viện Lê Thăng* 次曰珍適文院黎昇 (con gái thứ là Trân, gả cho Lê [Xuân] Thăng ở Văn Chức Viện), chúng ta thấy Lê Xuân Thăng – con rể của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh từng ở Văn Chức Viện, rồi giữ chức **Ký lục** Quảng Bình.

- Lại theo văn bia thứ hai, bà vợ họ Lê của ông Nguyễn Đăng Thịnh là con gái của Tham nghị Cảnh Đức hầu (*công chi phối Lê thị, Tham nghị Cảnh Đức hầu chi nữ* 公之配黎氏，參議景德侯之女). Đây là thông tin quan trọng, nhằm điều chỉnh cho phần ghi chép ở gia phả họ Nguyễn Đăng. Bởi **Cảnh Đức hầu** là tên tước, nhưng gia phả lại ghi nhầm rằng: *Chính phối Lê thị, Đặc tiến Trụ quốc Vinh lộc đại phu Tham nghị Lê Cảnh chi trưởng nữ dâ* 正配黎氏特進柱國榮祿大夫參

議黎景之長女也 (bà chính phối họ Lê, là con gái đầu của ông Đặc tiền Trụ quốc Vinh lộc đại phu Tham nghị **Lê Cảnh** ‘tên húy’). Cùng đó, sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng nhằm khi viết tên húy của ông là Lê Cảnh Đức: “[*Ất Mùi, năm thứ 24 [1715] [... ...]. Tháng 9, đổi bổ Ký lục Chính dinh là Thanh Minh làm Ký lục dinh Quảng Bình; Ký lục dinh Quảng Bình là **Lê Cảnh Đức** làm Ký lục Chính Dinh.*”⁽³⁴⁾ Thực tế, nhạc phụ của ông Nguyễn Đăng Thịnh là ông Tham nghị, tước Cảnh Đức hầu, chứ không phải Lê Cảnh, hay Lê Cảnh Đức như cách ghi ở gia phả lần *Đại Nam thực lục*.

- Căn cứ vào *Đại Nam liệt truyện tiền biên* (quyển 5), chúng tôi thấy có danh thần Lê Xuân Chính (người huyện Lê Thủy, Quảng Bình) vào năm Kỷ Sửu (1709) được làm chức Ký lục doanh Lưu Đồn, sau đổi làm Ký lục Quảng Bình. Vậy rất có khả năng vị Cảnh Đức hầu họ Lê từng làm Ký lục dinh Quảng Bình này là ông Lê Xuân Chính (ghi chép trong *Liệt truyện*). Cùng đó, viên Quảng Bình Ký lục Túy Đức hầu Lê Xuân Thăng có lẽ là con cháu của Tham nghị Cảnh Đức hầu Lê Xuân Chính.

- Văn bia năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755) do Túy Đức hầu biên soạn có văn phong uyển chuyển, sắc sảo và uyên áo, với lượng điển tích điển cố khá nhuần nhuyễn. Điều đó chứng tỏ tác giả Túy Đức hầu vừa có trình độ văn phong xuất sắc, vừa rất am tường về cuộc đời và sự nghiệp cũng như tài đức của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh. Bản bia ký này xứng đáng được xem là một tác phẩm văn chương độc đáo, giá trị, chứng tỏ trình độ văn học, tài nghệ văn ngôn của văn thần, sĩ tử xứ Đàng Trong thời chúa Nguyễn không tầm thường. Với bài văn bia không đề niên hiệu, mặc dù ghi chép đơn giản, tóm lược về cuộc đời, sự nghiệp của Lễ Bộ kiêm Lại Bộ Nguyễn Đăng Thịnh, song cũng khá giá trị trong việc bổ khuyết nhiều thông tin liên quan đến tiểu sử sự nghiệp, hành trạng, cũng như con cháu của Hương Danh hầu, cái mà chính sử và gia phả ít nhiều thiếu khuyết, hoặc chưa chuẩn xác (đã nói ở trên).

- Những thông tin về tiểu sử, hành trạng của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh hiện có trong chính sử, gia phả... và từ nội dung hai bài văn bia giá trị trên, chúng tôi cho rằng danh hiền Nguyễn Đăng Thịnh xứng đáng được xiển dương công đức. Văn bia là tư liệu gốc, đặc biệt quan trọng trong việc hàm chứa các nội dung thông tin về xuất thân, về sự nghiệp và tầm ảnh hưởng của Hương Danh hầu đối với gia tộc, quê hương và đất nước. Bởi vậy, thông qua việc công bố toàn bộ nội dung văn bia mộ Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh hiện còn, chúng tôi mong rằng giới nghiên cứu và các cơ quan hữu trách cần đề xuất phương án phù hợp để bảo tồn các di vật quý này. Đồng thời hỗ trợ, tư vấn cho gia tộc, địa phương lập hồ sơ di tích về danh nhân Nguyễn Đăng Thịnh (bao gồm nhà thờ, lăng mộ và hai bia đá trên mộ của ông), tiến tới sớm công nhận Hương Danh hầu Nguyễn

Đặng Thịnh là danh nhân lịch sử văn hóa tiêu biểu của đất Thần Kinh. Bởi, xét trên mọi phương diện, Tán Trị công thần Nguyễn Đặng Thịnh xứng đáng được tôn vinh và xiển dương công đức.

Huế, 8/2020

V V Q

CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1 (bản dịch Viện Sử học). Nxb Giáo dục, tr.150.
- (2) Lê Quý Đôn. (2007). *Phủ biên tạp lục*. Nxb Văn hóa Thông tin. Hà Nội, tr. 83-84.
- (3) Đan Phụ chi cầm 單父之琴: tiếng đàn cầm ở đất Đan Phụ, ý phiếm chỉ tài năng trị nhậm xuất chúng của quan địa phương, giúp dân giàu vật phú, yên ổn thái bình. Đây là điển cố, xuất xứ từ chuyện ông Mật Tử 宓子 về làm quan ở đất Đan Phụ (nay là huyện Thiên, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc), chỉ ngồi đánh đàn mà dân chúng an hòa. Sách *Lã thị Xuân Thu* 呂氏春秋, quyển 21: Khai xuân luận 開春論, mục Sát hiền 察賢 [xem xét các bậc hiền tài] có đoạn: Mật Tử tiện trị Đan Phụ, đàn minh cầm, thân bất hạ đường nhi Đan Phụ trị 宓子賤治單父, 彈鳴琴, 身不下堂而單父治 (Ông Mật Tử về trị nhậm đất Đan Phụ, gảy lên tiếng đàn cầm, thân mình chẳng cần xuống đường quan mà đất Đan Phụ tự yên trị).
- (4) Mạnh Giao chi thi 孟郊之詩: thơ của Mạnh Giao. Mạnh Giao (751-814) là viên quan và nhà thơ Trung Quốc đời Trung Đường. Ông đỗ Tiến sĩ năm 46 tuổi, làm vài chức quan nhỏ, nên chí hướng thích rong chơi, ngao du ngâm vịnh, kết giao bằng hữu. Thơ của ông mang hơi hướng của đời thường, là tác lòng của nhân dân lao động.
- (5) Phong cốt 風骨: phong thái, cốt cách vững vàng cứng cỏi của con người.
- (6) Sương cúc 霜菊: hoa cúc mùa thu đối diện ngạo nghễ giữa tuyết sương, ý chỉ phẩm tính ngoan cường, vững vàng chẳng lo sợ trước thời tiết, trước sự đời khắc nghiệt. Thi nhân Tô Đông Pha (Tô Thức) đời Tống trong bài Cam cúc 甘菊 có câu: Việt sơn xuân thủy hàn, sương cúc vẫn dữ hảo 越山春始寒, 霜菊晚愈好 (Vượt núi, xuân bắt đầu trở lạnh, cúc ngạo sương muện màng càng tốt).
* Hòe liệt phong cốt, cúc tào sương cúc 槐列風骨, 棘曹霜菊: Cây hòe bày ra phong thái cốt cách, cây cúc [gai] đối diện với thu cúc ngạo nghễ giữa tuyết sương. Toàn câu chỉ về phong thái cốt cách vững vàng, ngoan cường của bậc quan lớn (hòe cúc 槐棘: chỉ về chức quan cao cấp trong triều đình. Hòe cúc là cách gọi rút gọn của Tam hòe cửu cúc 三槐九棘: tức cũng là tam công cửu khanh 三公九卿. Điển tích này bắt nguồn từ sách *Chu lễ* 周礼, thiên Thu quan 秋官, mục Triều sĩ 朝士: thời Chu, ở bên ngoài cung đình trồng cây hòe và cây cúc. Lúc Thiên tử hội họp với quần thần thì Tam công hướng về ba cây hòe mà đứng, quần thần thì đứng ở trái phải phía dưới 9 cây cúc [cây gai]).
- (7) Hiến đài 憲臺: cách tôn xưng về các viên quan cao cấp. Hiến đài được lập từ triều Tây Hán, là sảnh quan Ngự Sử đại phu, với tên gọi ban đầu là Ngự Sử phủ 御史府. Đến đời Hậu Hán (Đông Hán) thì Ngự Sử phủ được đổi gọi là Hiến đài. Đời Minh, quan viên hàm tòng tam phẩm thì gọi là Đại Hiến đài. Vì thế, sau này Hiến đài dùng để tôn xưng các viên quan có chức vụ cao cấp trong triều đình.
- (8) Xao phác 敲朴: cây roi, cũng viết xao phác, cầm cây roi để trị nhậm thiên hạ (chấp xao phác dĩ tiên si thiên hạ 執敲朴以鞭笞天下).

- (9) Huyền hiêu 諲囂: ồn ào náo nhiệt (huyền náo).
- (10) Tiêu Hà cấp sức Quan Trung 蕭何給餽關中: Tiêu Hà sửa sang đầy đủ đất Quan Trung. Thời kỳ Hán (Lưu Bang) – Sở (Hạng Vũ) tranh hùng, Tiêu Hà nắm giữ vùng Quan Trung trọng yếu. Ông đã biến Quan Trung thành hậu phương được củng cố vững vàng cho quân Hán. Năm thứ hai đời nhà Hán, quân Hán tiến về Đông thu đất của nước Ngụy, sau đó đến lượt vua nước Hán đầu hàng và tiếp theo là nước Tề, nước Triệu theo Hán đánh Sở. Tiêu Hà khi đó đã là Thừa tướng đã ra cụ thể chính sách pháp luật, xây dựng xã tắc, sửa chữa đền đài, cung điện bị hỏng, đặt quận huyện... làm cho nhà Hán có quy mô chặt chẽ của một nhà nước thời chiến. Ông cũng không quên việc bổ sung lực lượng và lương thực chi viện cho chiến tranh. Hán vương nhiều lần bị Hạng Vũ đánh, bị vây hãm, hao binh tổn tướng may có Tiêu Hà ở hậu phương bổ sung lực lượng kịp thời. Tháng 5 năm 205 TCN, quân Hán đại bại ở Bành Thành, Tiêu Hà đã kịp thời huy động quân lính ở Quan Trung ra tiền tuyến. Quân Hán được tiếp sức, đánh bật lại quân Sở và khiến Hạng Vũ không thể tiến sâu thêm về phía tây (đất Hán kiểm soát).
- (11) Khẩu Tuân mục dân Hà Nội 寇恂牧民河內: Khẩu Tuân chăn dắt dân chúng ở đất Hà Nội (nay là Tiêu Tác 焦作, Hà Nam 河南, Trung Quốc). Khẩu Tuân 寇恂: tự Tử Dực 子翼, người Xương Bình 昌平, là công thần khai quốc thời Đông Hán. Ông theo Hán Quang Vũ đi bình định Hà Nội, được giữ chức Thái thú Hà Nội.
- (12) Đâu Kinh 兜涇: tên xã (làng) ở huyện Triệu Phong, còn có tên gọi là Đâu Kênh?. Căn cứ theo Văn bia Đề danh Tiến sĩ Võ khoa thi Ất Sửu (1865) có ghi người đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân là Võ Văn Lương 武文良 (1833-?): người xã Đâu Kinh tổng Bích La huyện Đăng Xương đạo Quảng Trị (nay thuộc huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị).
- (13) Phần này chúng tôi tạm bỏ khuyết theo phần phiên âm của con cháu họ Nguyễn Đăng, dĩ nhiên vẫn để trong ngoặc kép [...] với ý tham khảo thêm, chứ chưa chắc chắn đúng nguyên tác.
- (14) Bát diệp 八葉: tám đời [chúa Nguyễn], đây là cách gọi khác của bát thế 八世, bát đại 八代. Vào Tết Nguyên đán, mùa xuân năm Canh Hưng thứ 5 (1744), tương truyền có cây sung (cây ưu đàm) nở hoa mang điềm rất tốt và lời sấm “bát thế hoàn Trung đô” (sau tám đời thì về lại Trung đô [Đô thành Trung Ương, tức Phú Xuân], nên quần thần khuyến tiến Võ vương Nguyễn Phúc Khoát xưng Quốc vương, thay đổi phong tục, chế độ... ở Đàng Trong. Việc này công lao đầu tiên và lớn nhất chính do Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh lĩnh xướng.
- (15) Hãi nhân nhĩ mục 駭人耳目: khiến cho mọi người nể sợ.
- (16) Lã Công 呂公: chúng tôi chưa chắc chắn về nhân vật này, có thể là Thừa tướng Lã Bất Vi, người xuất thân từ thương gia, sau giữ chức Tướng quốc đời Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính).
- (17) Phần này chúng tôi căn cứ theo gia phả để bổ sung.
- (18) Bốc Tử Hạ 卜子夏: tức Bốc Thương 卜商 (507-400 TCN), tên tự Tử Hạ 子夏, là một trong những học trò xuất sắc của Khổng Tử, được người đời tôn xưng là một trong Khổng môn thập triết 孔門十哲 (mười vị hiền triết ở cửa Khổng - Nho gia).
- (19) Phiên nhiên 翻然: uyển chuyển biến hóa khôn lường. Về sau, phiên nhiên biến chuyển với hàm nghĩa đáng mạo cao vĩ. Tác giả Can Bảo 干寶 đời Tấn, trong *Sưu thần ký* 搜神記, quyển 1 có viết: “tu du, hóa nhi đại ô, khai nhi thị chi, phiên nhiên phi khứ” 須臾，化為大鳥，開而視之，翻然飛去 (chốc lát, biến thành quạ lớn, mở mắt nhìn kỹ, rồi biến hóa mà bay đi).
- (20) Lý Trường Cát 李長吉: tức Lý Hạ 李賀 (790-817), tự Trường Cát 長吉, người Phúc Xương, Hà Nam, Trung Quốc (nay là Nghi Dương, Hà Nam), là danh thần và thi gia trứ danh đời

- Đường, được tôn xưng là “thi quỷ” 詩鬼 (ông cùng Thi tiên Lý Bạch, Thi thánh Đỗ Phủ, Thi Phật Vương Duy hội thành bốn thiên tài Tiên-Phật-Thánh-Quỷ trong thi ca thời Thịnh Đường).
- (21) Huệ nhiên 惠然: vui vẻ thuận theo lòng mình. Sách *Lương thư* 梁書, quyển 51: Xử sĩ truyện 處士傳 – Truyện về Hà Điểm 何點 có câu: Lý chu hư tịch, tu sĩ lai thu, sở vọng huệ nhiên thân kỳ túc bảo nhĩ 理舟虛席，須俟來秋，所望惠然申其宿抱耳 (Sửa thuyền không có chỗ ngồi, chờ đến mùa thu, ấy là thuận theo lòng mình mà trông ngóng, tỏ ý giữ vững hoài bão vậy).
- (22) Thần trung 宸衷: tâm tình của bậc đế vương. Sách *Cựu Đường thư* 舊唐書, mục Dương Phát truyện 楊發傳 có câu: Lễ chi nghi giả, quyết tại thần trung 禮之疑者，決在宸衷 (lễ có nghi ngờ, do đế vương quyết định).
- (23) Tường loan 翔鸞: chim loan quần quýt bay liệng. Tôn Xước 孫綽 đời Tấn, trong bài *Du Thiên Thai sơn phú* 游天臺山賦 có câu: Định tường loan chi duệ duệ, thính minh phượng chi ung ung 覲翔鸞之裔裔，聽鳴鳳之嚶嚶 (gặp chim loan liệng bay quần quýt, nghe tiếng chim phượng riu rít xung quanh).
- (24) Lương mộc kỳ tồi, triết nhân kỳ nuy 梁木其摧，哲人其萎 rường cột gỗ bị hư hại, bậc hiền triết đã mất đi. Đây là điển tích, lấy từ sách *Lễ ký* 禮記, thiên Đàn Cung Thượng 檀弓上 với câu: Khổng Tử tảo tác, phụ thủ duệ trượng, tiêu diêu ư môn, ca viết: Thái Sơn kỳ đòi hồ? Lương mộc kỳ hoại hồ? Triết nhân kỳ nuy hồ 孔子蚤作，負手曳杖，消搖於門，歌曰：[泰山其頽乎？梁木其壞乎？哲人其萎乎] (Khổng Tử sớm hành động, dựa vào gậy chống cầm tay, dần vầy tay nơi cửa, ca rằng: Thái Sơn bị sụp lở chăng? Kèo cột bị hủy hoại chăng? Bậc hiền triết mất đi rồi chăng?).
- (25) Tiêu Tào 蕭曹: tức Tiêu Hà 蕭何 và Tào Tham 曹參, hai đại công thần khai quốc thời Tây Hán, hai ông cùng Phàn Khoái 樊噲 đã tôn phò và góp công to lớn cho việc kiến lập vương triều Hán thời Cao tổ Lưu Bang.
- (26) Hàng hiệt 頑顓: chim chóc lượn bay. Về sau, hàng hiệt phái sinh nghĩa phóng khoáng không câu thúc, bay lượn khắp nơi.
- (27) Quân thiên vô nhân 鈞天無人: không còn (mất) người ở Trung ương (Đàng Trong). Đây là chữ dùng xuất xứ từ bài *Triều Châu Hàn Văn công miếu ký* 潮州韓文公廟記 có câu: Quân thiên vô nhân đế bi thương, âu ngâm hạ chiêu khán Vu Dương 鈞天無人帝悲傷，謳吟下招遣 巫陽, nghĩa là: giữa Trung ương [Chính triều] không còn người nữa, Hoàng đế thương xót; cất tiếng ngâm xuống trong đám tang ở Vu Dương. (Quân thiên 鈞天: nghĩa gốc là chính giữa (trung ương) của trời (trung tâm của trời, ý chỉ chính dinh, Đô thành Phú Xuân – trung tâm của chính quyền Đàng Trong). Theo *Lã thị Xuân Thu* 呂氏春秋, thiên Hữu Thủy 有始 có câu: “trung ương viết quân thiên” 中央曰鈞天 (trung ương gọi là quân thiên).
- (28) Vu Dương hạ chiêu 巫陽下招: Vu Dương xuống chiêu hồn. Đây là điển tích, xuất xứ từ sách *Sở từ* 楚辭, mục Chiêu Hồn 招魂 với đoạn: “Đế cáo Vu Dương viết: hữu nhân tại hạ, ngã dục phụ chi. Hồn phách li tán, nhữ phệ dư chi. ... Nãi Hạ chiêu viết: “hồn hề quy lai! Khứ quân chi hằng can, hà vi tứ phương ta? Xá quân chi lạc xứ, nhi li bỉ bất tường ta” 帝告巫陽曰：‘有人在下，我欲輔之。魂魄離散，汝筮予之。’……乃下招曰：‘魂兮歸來！去君之恆干，何為四方些？舍君之樂處，而離彼不祥些’ (Thiên đế bảo với Vu Dương rằng: có người ở dưới hạ giới, ta muốn cứu giúp. Hồn phách li tán, ngươi bói cỏ thi để xem... .. Bèn chiêu hồn xuống rằng: “hồn chừ về lại đi! Bỏ vua đi mãi sao! Bốn phương nơi nào tá? Bỏ vua đến chốn vui sướng, mà rời bỏ đi chốn khác chẳng tốt đâu).
- (29) Túc ông Nguyễn Đăng Trị (1653-1712), tự Đại Chánh, hiệu Thuận Đức. Ông đỗ khoa thi Cống sĩ năm Quý Hợi (1683), làm quan trải 3 triều chúa Nguyễn Phúc Tần, Nguyễn Phúc

Thái và Nguyễn Phúc Chu. Ông có 2 vợ: vợ chính là Đỗ Thị Bản, vợ thứ là Nguyễn thị (không rõ tên), sinh 5 trai, 1 gái: Đăng Toại, Đăng Thịnh, Đăng Đường, Đăng Tiến, Đăng Hán và Thị Yến. Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh là con trai thứ 2 của ông Đăng Trị với bà thứ Nguyễn thị.

- (30) Câu này dùng điển tích để ngụ ý rằng Nguyễn Đăng Thịnh đem tài năng xuất chúng để trị nhậm (nắm chức Tri huyện Hương Trà), khiến cho dân khang vật phụ, nhân dân an lạc thái bình. Đây là phương pháp dùng điển tích điển cố để tán tụng tài đức của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh một cách kín đáo trang nhã và sâu sắc.
- (31) Đô tri là chức Trưởng quan của ty Sá Xai [lo văn án, kiện tụng] ở Đô thành (Chính dinh) thuộc hệ thống quan chế của Tam Ty (Xá Sai ty, Tướng Thần Lại ty và Nội Lệnh Sử ty) tại Đàng Trong do chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đặt ra từ năm 1614. Sách *Đại Nam thực lục* chép: "... Giáp Dần, năm thứ 1 [1614] ... Bắt đầu đặt Tam Ty: ở trong là Chính dinh thì [ba ty] là ty Xá Sai, coi việc văn án từ tụng, do Đô tri và Ký lục giữ, ty Tướng thần lại, coi việc trưng thu tiền thóc, phát lương cho quân các đạo, do Cai bạ giữ, ty Lệnh sử, coi việc tế tự, lễ tiết và chi cấp lương hưởng cho quân đội Chính dinh, do Nha úy giữ" (Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1 (bản dịch Viện Sử học). Nxb Giáo dục, tr. 38-39).
- (32) Chúng tôi chưa rõ ý của câu này (một phần vì đoạn văn bị hỏng mất nhiều chữ). Đường Tướng 唐相 ở đây hoặc là vị tướng đời Đường, cũng có thể là họ tên người: Đường Tướng (1444-?), tên tự Hy Khải, một danh thần, vị tướng quân đời Minh.
- (33) Tiêu đề trong ngoặc vuông do chúng tôi tự đặt.
- (34) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập 1 (bản dịch Viện Sử học). Nxb Giáo dục, tr.135-136.

TÓM TẮT

Nguyễn Đăng Thịnh (1694-1755) là một trong những danh nhân nổi bật của xứ Huế thế kỷ XVIII. Ông là thầy dạy của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, lại chính là người chủ xướng hoạch định, đề xuất Chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng Quốc vương năm Giáp Tý (1744) góp phần chính thức xác lập một chính quyền Trung ương ở Nam Hà, đối trọng với chính quyền Lê Trịnh ở Đàng Ngoài, tạo nên cột mốc lịch sử độc đáo của Đàng Trong. Dù thế, tên tuổi của Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh trước nay ít được quan tâm tìm hiểu. Do đó, chúng tôi công bố bài viết về hai văn bia trên mộ của danh nhân Nguyễn Đăng Thịnh, với mong muốn góp thêm nguồn tư liệu và đề xuất nhằm hoàn chỉnh hơn cho quá trình tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của ông.

ABSTRACT

HƯƠNG DANH MARQUIC NGUYỄN ĐĂNG THỊNH – A RENOWNED DIGNITARY UNDER THE NGUYỄN LORDS AND TWO EPITAPHS ON HIS TOMB

Hương Danh marquic Nguyễn Đăng Thịnh (1694-1755) is one of the prominent celebrities of Huế region in the XVIIIth century. He was the teacher of the Lord Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, the master of the plan, proposed Lord Nguyễn Phúc Khoát proclaimed king in the Year of the Rat (1744), formally contributed in Nam Hà the establishment of a Central Government who againsts the Lê Trịnh government in Đàng Ngoài, creating a unique historical milestone of Đàng Trong. However, the name of Hương Danh marquic Nguyễn Đăng Thịnh has been less interested in learning before. Therefore, we publish the article for two epitaphs on the tomb of renowned dignitary Nguyễn Đăng Thịnh, with our desire to contribute more resources and suggestions to more complete the process of learning about his life and career.